

Bản án số: **92/2023/DS-ST**

Ngày 29 - 9 - 2023

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 25/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-DS ngày 17/8/2023, QĐ tạm ngừng 86/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Việt Nam V; Trụ sở: Số 89 đường Láng Hạ, phường L Hạ, quận Đ, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Thanh H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý; Bà H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Đức H1, ông Nguyễn Tài T2, ông Lê Văn T3 theo văn bản ủy quyền số 266/2022/UQ -CTHĐQT ngày 01/4/2022 và giấy ủy quyền số 19/2023/UQ-RCC - PUN KHCN MB ngày 16/3/2023. Ông Lê Văn T3 có mặt

*** Bị đơn:** Ông Hoàng Kim H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: tổ 53, phường V, quận K, thành phố Đ. Bà P có mặt, ông H vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Bà Phùng Nguyên T4, sinh năm 1999, CCCD 056199006378 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 06/9/2021. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P vay vốn của Ngân hàng TMCP Việt Nam V theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/2021:

Số tiền vay **11.500.000.000 đồng**; Thời hạn vay: 228 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; Mục đích sử dụng vốn: Bù đắp vốn tự có mua BĐS Tại TĐS 104, TBĐS 67, Địa chỉ Lô 6 Khu B2-1, Khu đô thị phía Nam Công Viên Châu Á- Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,9 %/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày 26/05/2021. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/05/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/07/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 228 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3%/năm); Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- **Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021:**

Hạn mức cho vay: **290.000.000 đồng**; Thời hạn cho vay: 37 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VPBank quy định qua từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- **Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021:**

Hạn mức đề nghị: **10.000.000 đồng**; Loại thẻ: VPBank Shopee Platinum Visa; Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VPBank quy định qua từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn

Thị Kim P thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ 128 đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K, thành phố Đà N, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000). Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp Số LN2105183757088/DBP/HĐTC, số Công chứng 002154, Quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng Công chứng Trần Văn H1. Đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P có thanh toán được số tiền 1.261.259.337 đồng. Trong đó tiền gốc 439.756.242 đồng, tiền lãi 821.503.095 đồng. Sau đó không thanh toán được các kỳ hạn nợ phát sinh vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã chuyển quá hạn kể từ ngày 15/12/2022. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo, cử cán bộ đến đôn đốc nhưng ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc quá hạn và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên và khởi kiện ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P ra Tòa án để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Tính đến ngày 29/9/2023, ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P còn nợ VPBank theo các Hợp đồng tín dụng trên, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/202: Tổng nợ 12.564.862.081 đồng. Trong đó: gốc 11.159.141.075 đồng, lãi trong hạn 519.715.777 đồng, lãi quá hạn 886.005.229 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021: Tổng nợ 207.585.036 đồng. Trong đó gốc 161.588.582 đồng, lãi trong hạn 21.006.448 đồng, lãi quá hạn 24.990.006 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021: Tổng nợ 9.242.743 đồng. Trong đó, gốc 7.084.224 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 2.158.519 đồng.

- Ngân hàng yêu cầu ông H và bà P thanh toán toàn bộ số dư nợ của 3 hợp đồng tín dụng nêu trên là **12.781.686.860 đồng**. Trong đó tổng nợ gốc **11.327.813.881** đồng, tổng nợ lãi 1.453.876.070 đồng (tổng nợ lãi trong hạn 540.722.225 đồng, tổng nợ lãi quá hạn 913.153.754 đồng).

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30/9/2023 theo mức lãi suất đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

- Buộc ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P thanh toán lại cho Ngân hàng

số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản là **3.000.000** đồng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng, tòa đã chi.

- Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, VPBank có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VPBank là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ 128 đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K thành phố Đ, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000).

- Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của thuận ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án/Quyết định của Tòa án cho đến khi thuận ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P hết nghĩa vụ với VPBank.

**** Ý kiến trình bày của bị đơn:***

- Bà Nguyễn Thị P trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa xác nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà và chồng là ông Hoàng Kim H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam V với 3 hợp đồng tín dụng nêu trên để bổ sung vốn kinh doanh. Tuy nhiên sau khi được Ngân hàng giải ngân, số tiền đưa vào kinh doanh thì rơi vào thời gian dịch bệnh nên kinh doanh gặp khó khăn không đủ nguồn tiền trả nợ theo cam kết với Ngân hàng vì vậy vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đối với các khoản vay, vợ chồng bà đã thế chấp nhà và đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ 128 đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K, thành phố Đ, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000) cho Ngân hàng. Và cam kết sử dụng tài sản này trả nợ cho tất cả các khoản vay nêu trên.

Tại phiên tòa, bà thống nhất với số liệu sao kê chi tiết của Ngân hàng số dư nợ của 3 hợp đồng tín dụng nêu trên là 12.781.686.860 đồng. Trong đó tổng gốc 11.327.813.881 đồng, nợ lãi 1.453.876.070 đồng nhưng chỉ xin Ngân hàng gia hạn đến tháng 12/2023 và xin giảm một phần lãi để có điều kiện xoay sở trả dứt điểm nợ.

Nếu đến hết tháng 12/2023, vợ chồng bà không trả được hoặc trả không hết nợ thì thống nhất để Ngân hàng phát mại nhà và đất của vợ chồng bà theo thỏa thuận mà vợ chồng bà đã ký kết tại hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

- Ông Hoàng Kim H vắng mặt trong nên không có ý kiến.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 299, 318, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam V đối với ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay của ba hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/9/2023 là **12.781.689.860** đồng. Trong đó: Tổng nợ gốc 11.327.813.881 đồng, Tổng nợ lãi 1.453.876.070 đồng (tổng lãi trong hạn 540.722.225 đồng, tổng lãi quá hạn 913.153.754 đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/2021: Tổng nợ 12.564.862.081 đồng. Trong đó: gốc 11.159.141.075 đồng, lãi trong hạn 519.715.777 đồng, lãi quá hạn 886.005.229 đồng

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021: Tổng nợ 207.585.036 đồng. Trong đó gốc 161.588.582 đồng, lãi trong hạn 21.006.448 đồng, lãi quá hạn 24.990.006 đồng

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021: Tổng nợ 9.242.743 đồng. Trong đó, gốc 7.084.224 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 2.158.519 đồng.

- Ngân hàng yêu cầu ông H và bà P thanh toán toàn bộ số dư nợ của 3 hợp đồng tín dụng nêu trên là **12.781.686.860 đồng**. Trong đó tổng nợ gốc **11.327.813.881** đồng, tổng nợ lãi 1.453.876.070 đồng (tổng nợ lãi trong hạn 540.722.225 đồng, tổng nợ lãi quá hạn 913.153.754 đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P tiếp tục trả lãi kể từ ngày 30/9/2023 theo mức lãi suất đã cam kết trong các Hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VPBank là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ 128 đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K, thành phố Đ, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000).

Trường hợp, sau khi phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P vẫn phải

có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng

Về chi phí tố tụng, án phí: ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam V đối với bị đơn ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Kim H và bà Phùng Nguyên T4 là đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H và bà T4.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ các hồ sơ tài liệu do các bên cung cấp và lời khai của hai bên xác định: ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P có ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam V 3 hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/2021: Số tiền vay 11.500.000.000 đồng;

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021: Hạn mức cho vay: 290.000.000 đồng;

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021: Hạn mức sử dụng thẻ 10.000.000 đồng;

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị Kim P thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ: đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K, thành phố Đg, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000). Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp Số LN2105183757088/DBP/HĐTC, số Công chứng 002154, Quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng Công chứng Trần Văn H. Đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm

bảo cho khoản vay.

Sau khi ký các hợp đồng vay, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân tiền cho vợ chồng ông H như cam kết. Vợ chồng ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 1.261.259.337 đồng. Trong đó tiền gốc 439.756.242 đồng, tiền lãi 821.503.095 đồng (dư nợ các khoản tín dụng Ngân hàng đã sao kê chi tiết các khoản vay và nộp cho Tòa án). Sau đó vợ chồng ông H và bà P không thanh toán được các kỳ hạn nợ vì phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ các khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/12/2022.

Tính đến ngày 29/9/2023, dư nợ tín dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P của 3 hợp đồng tín dụng trên là 12,781,689,860 đồng. Trong đó tổng gốc 11.327.813.881 đồng, tổng lãi 1.453.876.070 đồng (tổng lãi trong hạn 540.722.225 đồng, tổng lãi quá hạn 913.153.754 đồng).

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P trả dư nợ của 3 hợp đồng vay tính đến ngày 29/9/2023 là **12.781.689.860** đồng. Trong đó tổng nợ gốc **11.327.813.881 đồng**, nợ lãi **1.453.876.070** đồng (tổng lãi trong hạn 540.722.225 đồng, tổng lãi quá hạn 913.153.754 đồng).

Tại bản khai của Ngân hàng và sao kê chi tiết của ba hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/9/2023, dư nợ tín dụng của từng hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/202: Tổng nợ 12.564.862.081 đồng. Trong đó: gốc 11.159.141.075 đồng, lãi trong hạn 519.715.777 đồng, lãi quá hạn 886.005.229 đồng

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021: Tổng nợ 207.585.036 đồng. Trong đó gốc 161.588.582 đồng, lãi trong hạn 21.006.448 đồng, lãi quá hạn 24.990.006 đồng

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021: Tổng nợ 9.242.743 đồng. Trong đó, gốc 7.084.224 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 2.158.519 đồng.

Đối với khoản vay tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 27/05/2021 do ông Huỳnh Kim H mở, hạn mức cho vay: 290.000.000 đồng. Hợp đồng này chỉ có mình ông H ký. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị P xác định khoản vay trên đã được sự đồng ý của hai vợ chồng và dùng tài sản thế chấp bảo đảm cả 03 khoản vay là tài sản nhà và đất tại số 218 đường Lê Đình L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy bà P thống nhất toàn bộ số liệu sao kê chi tiết của các hợp đồng, bà chỉ nêu khó khăn và xin gia hạn và giảm lãi nhưng phía Ngân hàng chỉ xem xét một phần lãi theo quyết định của Hội đồng quản trị Ngân hàng nếu ông H và bà P trả hết nợ một lần. Về phía ông H tuy vắng mặt tuy nhiên các thủ tục triệu tập tham gia tố tụng hợp lệ, bà P xác nhận ông H nhận đầy đủ các thông tin từ tòa án và ủy quyền để bà đến Tòa xử lý hồ sơ của Ngân hàng. Do đó, có cơ sở xác nhận số dư

nợ 3 hợp đồng tín dụng của ông H và bà P với Ngân hàng tính đến ngày 29/9/2023 là 12.781.689.860 đồng. Trong đó tổng gốc 11.327.813.881 đồng, tổng nợ lãi 1.453.876.070 đồng. Do vợ chồng ông H và bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là phù hợp với quy định của Điều 466, 468 Luật dân sự, Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị tiếp tục tính lãi các khoản vay kể từ ngày 30/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với thỏa thuận hai bên và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận

[2.3]. Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng để thu hồi nợ thì thấy: để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng ông H và bà P đã ký Hợp đồng thế chấp Số LN2105183757088/DBP/HĐTC ngày 25/25/2021 thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ: 128 đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K, thành phố Đ, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000). Tại Điều 3 của hợp đồng các bên thỏa thuận " Tài sản thế chấp tại điều 2 được bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo đảm đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L/C, đề nghị chiết khấu các văn bản liên quan (nếu có) của các văn kiện tín dụng này) được xác lập, ký kết giữa bên được bảo đảm với bên Ngân hàng và bên liên quan khác (nếu có) trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này". Như vậy hợp đồng thế chấp này có hiệu lực đối với toàn bộ các khoản vay của ông H và bà P với Ngân hàng kể cả Hợp đồng số LN2105283806031 ngày 27/05/2021 là hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm. Xét lời khai thống nhất của bà P xử lý tài sản nhà và đất để trả nợ của Ngân hàng trong trường hợp vợ chồng bà không thể trả hết nợ là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp nêu trên và phù hợp với Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông H, bà P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 318, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP Việt Nam V đối với ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P

Tuyên xử:

1. Buộc ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V tổng số tiền nợ của 3 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/9/2023 là **12.781.689.860** đồng. Trong đó: tổng nợ gốc **11.327.813.881** đồng, tổng nợ lãi **1.453.876.070** đồng (tổng lãi trong hạn 540.722.225 đồng, tổng lãi quá hạn 913.153.754 đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/202: Tổng nợ 12.564.862.081 đồng. Trong đó: gốc 11.159.141.075 đồng, lãi trong hạn 519.715.777 đồng, lãi quá hạn 886.005.229 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021: Tổng nợ 207.585.036 đồng. Trong đó gốc 161.588.582 đồng, lãi trong hạn 21.006.448 đồng, lãi quá hạn 24.990.006 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021: Tổng nợ 9.242.743 đồng. Trong đó, gốc 7.084.224 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 2.158.519 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số LN2105183757088 ký ngày 26/05/202; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2105283806031 ngày 27/05/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/05/2021

Nếu ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P không trả được nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại địa chỉ số 128 đường Lê Đình L, tổ 13, phường V, quận K, thành phố Đ, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P (Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc số 6422 do UBND Thành Phố Đ cấp ngày 25/03/2000) sẽ bị phát mãi để Ngân hàng TMCP Việt Nam V thu hồi nợ.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P trả xong toàn bộ dư nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam V có nghĩa vụ trả Giấy tờ tài sản cho ông H và bà P.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) ông H, bà P phải chịu. Ngân hàng đã tạm ứng và chi phí xong, ông H, bà P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 120.781.689 đồng (*một trăm hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng*), ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V số tiền tạm ứng án phí 59.964.995 đồng (*năm mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008904 ngày 04/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đ.

4. Án xử công khai, nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam V bị đơn: bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29.9.2022; Riêng ông Hoàng Kim H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

